

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-ST
Ngày: 23 – 3 – 2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Sơn Điền;
2. Ông Nguyễn Văn To.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2020/TLST- DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Tổ 4, ấp Long Hiệp, xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T là anh Đỗ Chí L, sinh năm 1978, nơi cư trú: Số 4, đường Võ Thị Sáu, khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền ngày 25/02/2021) (có mặt).

- Đồng bị đơn: Anh Thái Công B, sinh năm 1964 và chị Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1974. Cùng cư trú: Số 24/3 Đề Thám, tổ 6, khóm Long Thị A, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (anh B có mặt, chị M vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1947. Nơi cư trú: Tổ 10, khóm Long Châu, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thiện H, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Tổ 10, khóm Long Châu, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 10/9/2020, bổ sung ngày 27/10/2020 và các lời khai tại Tòa án, đại diện nguyên đơn anh Đỗ Chí L trình bày:

Chị Trần Thị Mỹ T bán hàng vật tư nông nghiệp cho anh Thái Công B và chị Nguyễn Ngọc M từ ngày 1/5/2017 cho đến ngày 02/7/2020 thì chị T không còn bán vật tư nông nghiệp cho anh B và chị M nữa.

Anh B là người trực tiếp đến cửa hàng của chị T để mua hàng vật tư nông nghiệp về sản xuất nông nghiệp. Đối với việc nhận hàng thì anh B thường trực tiếp nhận hàng (thuốc bảo vệ thực vật) còn đối với phân bón, lúa giống thì cửa hàng chị T chuyển đến nhà ông H (cha ruột chị M, cha vợ anh B) gồm ông H nhận và chị M nhận để anh B, chị M sử dụng phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiền vật tư nông nghiệp được anh B và chị M trả cho chị T.

Vào tháng 7/2020 (hết vụ Hè Thu) vợ chồng anh B, chị M không thanh toán cho chị T. Hiện nay số nợ tiền vật tư nông nghiệp của vợ chồng anh B và chị M còn nợ lại chị T là 48.819.000 đồng.

Đối với ông H trước đây cũng là khách hàng đến mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng của chị T, sau đó ông H giới thiệu vợ chồng anh B, chị M đến cửa hàng chị T mua vật tư nông nghiệp và ông H có trình bày với chị T rằng bán hàng vật tư nông nghiệp cho anh B, chị M. Ông H sẽ chịu trách nhiệm bảo lãnh trong vụ việc này (việc bảo lãnh của ông H với chị T chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không giấy tờ, tài liệu chứng minh). Đối với chị Nguyễn Thiện H, như chị T đã trình bày thì chị H không có tham gia vào việc mua bán hàng vật tư nông nghiệp, chị H có trả thay cho anh B, chị M số tiền nợ là 5.000.000 đồng, chị T có nhờ chị H ký vào giấy anh B, chị M có trả 5.000.000 đồng và chị T có trình bày với chị H nhờ nhấn lại anh B, chị M lo trả tiền còn nợ lại trên cho chị T.

Ngày 26/02/2021, chị Trần Thị Mỹ T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu chị Nguyễn Thiện H và ông Nguyễn Công H cùng có trách nhiệm liên đới với anh B, chị M trả số nợ trên theo yêu cầu trong đơn khởi kiện của chị T.

Về số tiền mua hàng hóa, do anh B, chị M không thực hiện nghĩa vụ trả, chị T có liên lạc gặp anh B, chị M nhiều lần nhưng anh B, chị M không thực hiện việc thanh toán nợ trên và chị T khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết.

Nay anh L yêu cầu chị M và anh B cùng có trách nhiệm liên đới trả cho chị T số nợ còn lại là 48.819.000 đồng. Đồng thời yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 21 tháng 8 năm 2020 cho đến ngày 21 tháng 3 năm 2021.

2. Bị đơn anh Thái Công B trình bày:

Anh B là người trực tiếp đến cửa hàng của chị T để mua hàng vật tư nông nghiệp về canh tác. Đối với việc nhận hàng thì anh B và chị M thường trực tiếp nhận hàng (thuốc bảo vệ thực vật) còn đối với phân bón, lúa giống thì cửa hàng chị T chuyển đến nhà ông H (cha ruột chị M) do nhà ông H gần nơi di chuyển đến chỗ đất canh tác nên có nhờ cửa hàng gửi đến nhà ông H để tiện việc di chuyển vật tư nông nghiệp vào nơi đất sản xuất nông nghiệp.

Vào tháng 7/2020 (hết vụ Hè Thu) thì anh B và M không thanh toán cho chị T. Tính đến ngày 21/8/2020, anh B và chị M còn nợ chị T tiền vật tư nông nghiệp là 48.819.000 đồng.

Do sản xuất nông nghiệp bị thất mùa, điều kiện khó khăn nên không còn khả năng thanh toán theo yêu cầu chị T số nợ trên. Nay anh B xin hẹn mỗi tháng anh B và chị M có trách nhiệm trả cho chị T là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 21/8/2020.

- Tại bản tự khai ngày 23/12/2020, bị đơn chị Nguyễn Ngọc M trình bày: Chị M và anh B có trực tiếp mua hàng vật tư nông nghiệp và còn nợ lại chị T số tiền 48.819.000 đồng như lời trình bày trên của anh B và chị M xin hẹn trả cho chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên đồng thời xin khỏi phải trả lãi phát sinh từ ngày 21/8/2020 đến ngày xét xử. Chị M có đơn xin hòa giải xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công H trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 27/01/2021, chị M là con ruột ông, anh B là con rể (B là chồng của M), chị T là ông quen biết do trước đây có mua vật tư nông nghiệp của chị T, do quen biết nên ông H có giới thiệu anh B, chị M đến cửa hàng chị T mua vật tư nông nghiệp, việc mua bán vật tư nông nghiệp do sự thỏa thuận giữa chị T với anh B và chị M, ông không có bảo lãnh việc mua bán trên. Ngày 23/12/2020, ông H có đơn yêu cầu hòa giải xét xử vắng mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thiện H trình bày tại bản tự khai ngày 23/12/2020, chị H là em ruột chị M, anh B là anh rể chị H (B là chồng của M), chị T với anh B và chị M trước đây có mua bán vật tư nông nghiệp với nhau như thế nào thì chị H không biết, chị H có cho anh B, chị M mượn số tiền 5.000.000 đồng để trả cho chị T, chị H không có mua bán vật tư nông nghiệp với chị T, việc anh B, chị M nợ tiền vật tư nông nghiệp chị T như thế nào thì chị H

hoàn toàn không biết và không liên quan trong vụ kiện này. Ngày 23/12/2020, chị H có đơn yêu cầu hòa giải xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và không yêu cầu giao nộp thêm tài liệu chứng cứ. Riêng bị đơn chị Nguyễn Ngọc M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông H và chị H xin xét xử vắng mặt.

5. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Nguyễn Ngọc M, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công H và chị Nguyễn Thiện H có đơn xin vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Ngọc M, ông Nguyễn Công H và chị Nguyễn Thiện H.

Về nội dung: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản xác lập giữa các bên. Các bên thực hiện việc mua bán tài sản không xác lập hợp đồng chỉ thỏa thuận qua lời nói được thể hiện sự thừa nhận của các bên đương sự.

Ngày 26/02/2021, chị Trần Thị Mỹ T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu chị Nguyễn Thiện H và ông Nguyễn Công H cùng có trách nhiệm liên đới với anh B, chị M trả số nợ trên theo yêu cầu trong đơn khởi kiện của chị T.

Đề nghị HĐXX, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện chị T về việc yêu cầu ông Nguyễn Công H và chị Nguyễn Thiện H có trách nhiệm liên đới cùng với anh B, chị M trả cho chị T số nợ tiền mua bán hàng hóa là 48.819.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 21/8/2020 cho đến ngày xét xử.

Về tiền lãi mua bán hàng hóa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật của khoản nợ như đã nêu trên kể từ ngày 21/8/2020 đến ngày 21/3/2020, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán phải chịu lãi suất và yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số nợ mua bán hàng hóa theo quy định pháp luật từ ngày 21/8/2020 đến ngày 21/3/2021 là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh B, chị M có trách nhiệm trả cho chị T số nợ vốn mua hàng hóa và tiền lãi phát sinh

theo quy định pháp luật kể từ ngày 21/8/2020 đến ngày xét xử đối với số nợ mua bán hàng hóa trên.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn anh Thái Công B và chị Nguyễn Ngọc M có nơi cư trú: Số 24/3 Đề Thám, tổ 6, khóm Long Thị A, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đương sự đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Về sự vắng mặt của bị đơn chị Nguyễn Ngọc M, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công H và chị Nguyễn Thiện H có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Ngọc M, ông Nguyễn Công H và chị Nguyễn Thiện H.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và pháp luật áp dụng để giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch dân sự về hợp đồng mua bán tài sản được xác lập năm 2020. Căn cứ Điều 429 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án vẫn còn thời hiệu.

[2] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai của các đương sự. Xác định vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản được xác lập giữa các bên. Các bên không thực hiện xác lập hợp đồng mà thỏa thuận bằng lời nói và xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

Ngày 26/02/2021, anh Đỗ Chí L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông Nguyễn Công H và chị Nguyễn Thiện H có trách nhiệm liên đới cùng với anh B, chị M trả cho chị T số nợ tiền mua bán hàng hóa là

48.819.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 21/8/2020 cho đến ngày xét xử.

[2.1] Xét yêu cầu của đại diện nguyên đơn anh L yêu cầu anh B, chị M có trách nhiệm trả cho chị T số nợ mua hàng hóa còn lại, lãi phát sinh theo quy định pháp luật đối với số nợ còn lại từ ngày 21/8/2020 đến ngày 21/3/2021.

Từ những kết quả trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu, đề nghị của đại diện nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về tiền lãi, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật của số tiền mua bán hàng hóa như đã nêu trên đến ngày 21/3/2021, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán phải chịu lãi suất và yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số nợ mua hàng hóa theo quy định pháp luật là có căn cứ.

Chị Trần Thị Mỹ T, tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông Nguyễn Công H và chị Nguyễn Thiện H có trách nhiệm liên đới cùng với anh B, chị M trả cho chị T số nợ tiền mua hàng hóa là 48.819.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 21/8/2020 cho đến ngày xét xử đã được chấp nhận.

Xét, anh B và chị M thống nhất có mua bán hàng hóa như trình bày trên, do anh B và chị M không thực hiện việc trả nợ cho chị T theo thỏa thuận trên, anh B, chị M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên anh B, chị M phải chịu mức lãi suất theo quy định pháp luật đối với số nợ mua bán hàng hóa còn lại là 48.819.000 đồng kể từ ngày 21/8/2020 đến ngày 21/3/2021. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh B, chị M trả lãi phát sinh đối với số nợ còn lại 48.819.000 đồng kể từ ngày 21/8/2020 đến ngày 21/3/2021 theo yêu cầu chị T.

[2.2] Xét ý kiến của bị đơn anh B, chị M thừa nhận có mua hàng hóa do chị T bán hàng cho anh B, chị M còn nợ lại số tiền mua hàng hóa là 48.819.000 đồng. Anh B, chị M có yêu cầu trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng và xin khởi phải trả lãi phát sinh đến ngày xét xử nhưng anh L không đồng ý, do anh B, chị M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên HĐXX buộc anh B, chị M phải có trách nhiệm trả cho chị T số nợ vốn và lãi phát sinh đối với số nợ mua hàng hóa còn lại 49.819.000 đồng.

[2.3] Xét ý kiến của người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Công H có giới thiệu anh B, chị M đến cửa hàng chị T mua vật tư nông nghiệp, việc mua bán vật tư nông nghiệp do sự thỏa thuận giữa chị T với anh B và chị M, ông không có bảo lãnh việc mua bán trên. Ngày 23/12/2020, ông H có đơn yêu cầu hòa giải xét xử vắng mặt.

- Chị H trình bày, chị T với anh B và chị M trước đây có mua vật tư nông nghiệp với nhau như thế nào thì chị H không biết, chị H có cho anh B, chị M

mượn số tiền 5.000.000 đồng để trả cho chị T, chị H không có mua bán vật tư nông nghiệp với chị T, việc anh B, chị M nợ tiền vật tư nông nghiệp chị T như thế nào thì chị H hoàn toàn không biết và không liên quan trong vụ kiện này. Ngày 23/12/2020, chị H có đơn yêu cầu hòa giải xét xử vắng mặt.

Anh L, anh B và chị M xác định và thừa nhận việc ông H và chị H có ý kiến trình bày như trên và anh L, anh B, chị M không yêu cầu gì đối với ông H, chị H. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Xét về phương thức thanh toán: Bị đơn anh Thái Công B và chị Nguyễn Ngọc M có yêu cầu trả cho chị T mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi dứt số nợ như lời trình bày trên của anh B, chị M nhưng không được sự đồng ý của anh L và anh L có yêu cầu anh B, chị M trả ngay một lần dứt số nợ vốn và lãi mua hàng hóa của anh B, chị M như trình bày trên của anh L. Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu của anh B, chị M không được anh L đồng ý nên yêu cầu xin trả dần của anh B, chị M không có cơ sở xem xét.

[3] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

[4] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Đối với lãi tiền mua hàng hóa 48.819.000 đồng từ ngày 21/8/2020 đến ngày 21/3/2021 (07 tháng) là:

- Lãi theo quy định pháp luật là: $48.819.000 \text{ đồng} \times 7 \text{ tháng} \times 0,83\% = 2.836.000 \text{ đồng};$

Cộng vốn và lãi: $48.819.000 \text{ đồng} + 2.836.000 \text{ đồng} = 51.655.000 \text{ đồng}.$

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh B, chị M có trách nhiệm trả cho chị T số tiền nợ mua hàng hóa còn lại đến ngày 23/3/2021 là 51.655.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận: Anh B, chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho chị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các điều 144, 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 351; Điều 430; Điều 440; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Công H, chị Nguyễn Thiện H có trách nhiệm liên đới cùng với anh Thái Công B và chị Nguyễn Ngọc M trả cho chị Trần Thị Mỹ T số nợ tiền mua bán hàng hóa là 48.819.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 21/8/2020 cho đến ngày xét xử.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T: Buộc anh Thái Công B và chị Nguyễn Ngọc M có trách nhiệm trả cho chị Trần Thị Mỹ T số tiền là: 51.655.000 đồng (năm mươi một triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Thái Công B và chị Nguyễn Ngọc M chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.583.000 đồng (hai triệu năm trăm tám mươi ba nghìn) đồng. Hoàn lại cho chị Trần Thị Mỹ T số tiền 1.220.000 (một triệu hai trăm hai chục nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006454 ngày 27 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 luật thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dầm